

UBND HUYỆN ĐAK PƠ
PHÒNG TN&MT

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất
Tại: xã Cư An, huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai

STT	Thông tin CSD				Số tờ	Số thửa	Diện tích (m2)				Số Giấy
	Mã	Họ và tên chồng	Họ và tên vợ	Địa chỉ thường trú			CLN	NHK	LUK	NTS	
1	1	Lê Đức Hảo	Trần Thị Mỹ Hòa	An Định, xã Cư An	59	11		9095,8			5
2					60	24, 25			908,5		
3					60	99, 100, 101			675,1		
4					60	98, 97			546,6		
5					60	96, 14			601,9		
6	2	Nguyễn Quốc Tuấn	Trần Thị Ngọc Trinh	Tổ 1, P. An Bình, TX. An Khê	56	9		5233,9			1
7	3	Trần Khắc Huy	Thị Thị Tuyết	P. An Bình, TX. An Khê	56	14		3195,9			3
8					56	19		2833,3			
9					56	25		14033,2			
10	4	Doãn Việt Nga	Phạm Thị Hà	TDP 1, TT. Đak Pơ	59	52		1263,1			4
11					59	53		715,8			
12					59	54		2861,3			
13					59	57		13458,6			
14	5	Phạm Văn Nam	Phạm Thị Ty	TDP 1, TT. Đak Pơ	59	44		11834,9			2
15					59	43		4912,4			
16	6	Nguyễn Xuân Minh	Văn Thị Nữ	Hiệp An, xã Cư An	61	40	3440,2				1
17	7	Lê Văn Thành		An Định, xã Cư An	60	66		7045,3			3
18					60	65	2472,2				
19					60	72		12005,7			
20	8	Nguyễn Lê Anh Tuấn		An Cư, xã Cư An	60	7		19588,8			1

21	9	Nguyễn Thanh Hải	Trần Thị Tiếng	Tân Lập, xã Tân An	55	5		15840,2			2
22					56	28		3811,6			
23	10	Nguyễn Kim Phụng	Lê Thị Hoa	An Cư, xã Cư An	60	8		12768,3			7
24					60	26, 27			357,9		
25					60	13				1944,6	
26					60	30, 31, 32			488,1		
27					60	21, 22, 23			821,7		
28					60	42		4687,6			
29					60	15, 16, 20			818,9		
30	11	Trần Bá Dương	Phan Thị Hương	Tân Hòa, xã Tân An	61	28	2534,3				6
31					61	27		5618,5			
32					61	22		14703,8			
33					61	24	2460,0				
34					61	19	4247,7				
35					61	25				695,5	
36	12	Đoàn Công Dã	Nguyễn Thị Cúc	P An Bình, TX. An Khê	60	5	987,9				4
37					60	18		9315,1			
38					60	38		4332,4			
39					60	6		1100,2			
40	13	Lê Trường		Tân Hiệp, xã Tân An	56	61		20224,2			1
41	14	Dương Hồ	Nguyễn Thị Mỹ Phụng	Tân Thuận, xã Tân An	60	84		9483,2			1
42	15	Nguyễn Văn Tùng	Đặng Thị Tuyết	An Định, xã Cư An	61	18				620,7	3
43					61	11		6505,8			
44					61	35		6513,2			
45	16	Phan Văn Tiêm	Nguyễn Thị Kim Liên	Tân Hòa, xã Tân An	60	111		4998,4			1
46	17	Lê Hiệp	Nguyễn Thị Hoa	An Định, xã Cư An	59	3		4821,9			5
47					59	12, 13			1029,7		
48					59	16, 18			762,7		
49					59	19		10381,2			
50					59	20			461,5		

51	18	Nguyễn Thành Danh	Lê Thị Tiến	Thôn An Định, xã Cư An	56	42		9475,3			1
52	19	Văn Tấn Huynh	Ngô Thị Ồm	Thôn 2, xã Yang Bắc	61	2	19435,6	CLN			1
53	20	Đỗ Thành Việt	Võ Huỳnh Hiền	TDP 2, thị trấn Đak Pơ	61	5		3891,7			3
54					61	7		4892,7			
55					61	9	18128,5	CLN			
56	21	Trần Minh Tiến		Tân Lập, xã Tân An	60	62				378,0	8
57					60	52, 55, 56			587,6		
58					60	57, 61			443,1		
59					60	63, 64			509,1		
60					60	43		4729,3			
61					60	48				1873,4	
62					60	51		9857,3			
63					60	44		1626,1			
64	22	Phạm Trường Giang	Trịnh Thị Hường	TDP 1, TT. Đak Pơ	59	47		15072,2			1
65	23		Lê Thị Quyên	TDP 2, TT. Đak Pơ	60	45	36082,6				4
66					60	3		3359,4			
67					60	10				1831,9	
68					60	9				1212,0	
69	25	Nguyễn Văn Phước	Lê Thị Thân	P.Tây Sơn, TX. An Khê	60	11		NTS		3738,0	2
70					60	4	43022,6	CLN			
71	26	Phan Văn Đông	Trần Thị Lê Ba	Tân Lập, xã Tân An	60	59	33342,3				4
72					60	60				983,9	
73					60	71	9957,8				
74					60	49, 53				1207,9	
75	28	Nguyễn Văn Giàu	Thái Thị Thùy Dung	An Định, xã Cư An	62	10	9646,2				4
76					62	19	18560,5				
77					62	22		1945,1			
78					62	9		17816,0			
79	29	Nguyễn Thành Công	Nguyễn Thị Nhớ	Tân Định, xã Tân An	60	107		3300,8			1
80	30	Trần Văn Quốc	Đặng Thị Song	TDP 2, TT. Đak Pơ	59	41		19697,8			1

81	31	Nguyễn Văn Thái	Lê Thị Sen	Tân Định, xã Tân An	60	54		18385,1			1
82	32	Thân Văn Đào	Hà Thị Ca	Thuận Công, xã Cư An	62	2		19697,6			1
83	33	Trần Hữu Phước	Thị Thị Hiền	Tân Hậu, xã Tân An	55	28		20165,6			1
84	34		Nguyễn Thị Mai	An Thuận, xã Cư An	62	4		12431,6			1
85	35	Phạm Duy Hưng	Nguyễn Thị Dung	TDP 1, TT. Đak Pơ	59	40		19907,2			1
86	36	Nguyễn Văn Đông	Nguyễn Thị Tin	Tân Thuận, xã Tân An	60	74		11903,8			5
87					60	73		1258,9			
88					60	83	8743,3				
89					60	76	5045,3				
90					60	75		5643,5			
91	37	Nguyễn Văn Trung	Lê Thị Kim Đào	TDP 1, TT. Đak Pơ	59	64		14493,1			1
92	38	Nguyễn Văn Huỳnh	Nguyễn Thị Cảnh	Chí Công, xã Cư An	64	12	15190,5				1
93	39	Huỳnh Ngọc Phụng	Hồ Thị Hồng Liên	Tân Lập, xã Tân An	55	32		14293,6			1
94	40	Đặng Văn Thảo	Trần Thị Tuyết	An Định, xã Cư An	60	41	3746,8				3
95					60	12		10001,7			
96					60	37			911,2		
97	41	Trịnh Rê	Nguyễn Thị Lan	An Định, xã Cư An	60	2		17576,3			2
98					56	62		2230,1			
99	42	Nguyễn Văn Trâm	Nguyễn Thị Tánh	An Định, xã Cư An	61	16	2825,6				3
100					61	4		8826,0			
101					61	10		11209,1			
102	43	Nguyễn Hải	Mai Thị Nghĩa	Tân Hòa, xã Tân An	61	54		16872,0			1
103	44	Mai Văn Sinh	Đinh Thị Mỹ Lệ	Tân Hiệp, xã Tân An	61	45		15752,9			2
104					63	3		3468,9			
105	45	Trần Văn Phường	Đinh Thị Dung	TDP 2, TT. Đak Pơ	54	14		14816,0			1
106	46	Mai Văn Vàng	Đặng Thị Kim Huệ	Tân Thuận, xã Tân An	61	36		11826,7			2
107					61	60		8236,7			
108	47	Thân Quang Linh	Nguyễn Thị Ái Định	Thuận Công, xã Cư An	62	5		8069,1			2
109					62	36		2166,6			
110	48	Huỳnh Ngọc Thủy	Tạ Thị Kiều	An Định, xã Cư An	55	27		14261,4			1

111	49	Phan Kỳ Hòa	Trần Thị Đà	Tân Lập, xã Tân An	60	77	116880,4				2
112					60	86		3119,8			
113	50	Phạm Đăng Ninh	Huỳnh Thị Thanh	TDP 1, TT. Đak Pơ	59	51		10599,7			2
114					59	34		9194,9			
115	51	Lê Đức Hiệp	Nguyễn Thị Nhi	Tân Thuận, xã Tân An	61	23		2259,4			4
116					61	30	1709,8				
117					61	33		1836,4			
118					61	17	5975,2				
119	52	Nguyễn Ngọc Quy	Đoàn Thị Minh	P. Tây Sơn, TX. An Khê	56	63		13576,7			2
120					56	55		5982,2			
121	53	Nguyễn Thanh Sơn	Nguyễn Thị Bích Lan	Tân Lập, xã Tân An	55	1		19467,0			1
122	54	Nguyễn Văn Trung	Phan Thị Lệ Thủy	P. An Bình, TX. An Khê	56	2		15886,4			1
123	55	Nguyễn Văn Đức	Bích Diệp	TDP 2, TT. Đak Pơ	59	63		6529,5			1
124	56	Nguyễn Thanh Phong	Nguyễn Thị Thu Hiền	Tân Lập, xã Tân An	55	2		18160,8			1
125	57	Nguyễn Thanh Hùng	Trần Thị Ánh Nguyệt	P. An Bình, TX. An Khê	56	7		6915,2			4
126					56	6		10957,9			
127					56	8			1627,6		
128					56	77(tách thửa 4)		2127			
129	58	Đỗ Nghĩa	Trần Thị Nhiều	Tân Lập, xã Tân An	61	8		2321,9			4
130					61	13		5776,5			
131					61	14	7897,2				
132					61	15		5224,9			
133	61	Đình Run		Làng Leng Tô, TT. Đak Pơ	54	9		15467,5			2
134					54	25		4682,6			
135	62	Phan Thanh Trung	Phạm Thị Sương	xã Thành An, TX. An Khê	58	42		6160,2			1
136	63	Phạm Trung Kiên	Trương Thị Thủy	xã Thành An, TX. An Khê	53	13		11175,7			1
137	64	Mai Đông Hải	Võ Thị Thơm	Tân Bình, xã Tân An	57	83			2007,0		3
138					57	86	2176,6				
139					57	76		7225,4			
140	65	Võ Kế Xã	Nguyễn Thị Loan	xã Thành An, TX. An Khê	57	13			2662,4		1

141	66	Nguyễn Minh Thừa	Cái Thị Thanh Lộc	xã Thành An, TX. An Khê	52	11		13504,1			2
142					52	12		6625,5			
143	67	Quách Hữu Toàn	Phan Thị Mai	xã Thành An, TX. An Khê	57	5		10664,3			1
144	68	Nguyễn Đức Thịnh	Trương Thị Thúy	xã Thành An, TX. An Khê	57	28	7866,1				1
145	69	Huỳnh Kim Tuấn	Nguyễn Thị Nhân	xã Thành An, TX. An Khê	53	10		11216,2			1
146	70	Đường Hữu Hậu	Trần Thị Minh	Thành An, TX. An Khê	58	17		6393,1			2
147					58	20		2480,8			
148	71	Phạm Tấn Đông	Nguyễn Thị Trí	xã Thành An, TX. An Khê	58	38		9834,4			1
149	72	Nguyễn Văn Ánh	Huỳnh Thị Còn	xã Thành An, TX. An Khê	58	14		8911,6			1
150	73	Lê Văn Xuân	Huỳnh Thị Hậu	xã Thành An, TX. An Khê	57	2		10655,5			1
151	74	Quách Ngọc Thông	Nguyễn Thị Cẩm	xã Thành An, TX. An Khê	57	87		3468,2			2
152					57	85		903,7			
153	75	Phan Công Lộc	Võ Thùy Nữ	P. An Bình, TX. An Khê	57	63		7258,8			2
154					57	47		4281,7			
155	76	Hộ	Nguyễn Thị Tốt	Hiệp Phú, xã Cư An	58	1				5257,0	3
156					58	6	1399,3				
157					58	8		10648,3			
158	77	Lê Văn Phú	Nguyễn Thị Yên	Hiệp Phú, xã Cư An	58	43		3603,2			4
159					58	44	10505,4				
160					58	50				2887,4	
161					58	55		11808,8			
162	78	Lê Quang Pháp	Lê Thị Hồng Hòa	Hiệp Phú, xã Cư An	58	47		2757,4			4
163					58	54				5238,0	
164					58	60		5534,6			
165					58	69		6858,0			
166	79	Nguyễn Văn Phúc	Đường Thị Kim Phương	xã Thành An, TX. An Khê	58	10		12190,5			3
167					58	12		1227,9			
168					58	13				2838,1	
169	80	Nguyễn Văn Minh	Trần Thị Sương	xã Nhơn Hậu, TX An Nhơn	59	62		14075,0			1

170	81	Nguyễn Hữu Hảo	Đặng Thị Núi	xã Thành An, TX. An Khê	57	25		6917,2			2
171					57	24		10025,9			
172	82	Nguyễn Vạn	Nguyễn Thị Hương	xã Thành An, TX. An Khê	57	44		5625,0			1
173	83	Võ Văn Bưởi	Nguyễn Thị Thương	xã Thành An, TX. An Khê	57	1	3061,7				2
174					57	7				658,3	
175	84	Nguyễn Nhất Tiến	Vũ Thị Thanh Tâm	xã Thành An, TX. An Khê	54	34		17773,4			2
176					54	27			1094,8		
177	85	Nguyễn Quốc Dũng	Đường Tiểu Linh	P. An Phú, TX. An Khê	58	30		924,2			2
178					58	27		18991,2			
179	86	Vũ Ngọc Vũ	Trần Thị Hằng	xã Thành An, TX. An Khê	58	23		5293,0			3
180					58	18, 21, 22			822,1		
181					58	24, 25, 26			370,4		
182	87	Nguyễn Văn Hạnh	Nguyễn Thị Nghĩa	xã Thành An, TX. An Khê	58	15		11664,3			1
183	88	Nguyễn Hữu Vinh	Lê Thị Út Mẫn	xã Thành An, TX. An Khê	57	49		5681,6			3
184					57	56		2410,8			
185					57	58		11164,3			
186	89	Nguyễn Minh Vũ	Võ Thị Xuân Diệp	xã Thành An, TX. An Khê	58	9		9256,1			2
187					58	7		9464,1			
188	90	Trương Văn Biểu	Nguyễn Thị Dư	xã Thành An, TX. An Khê	53	8		3902,5			2
189					53	11		8088,5			
190	91	Nguyễn Minh Hạnh	Bùi Thị Nga	xã Thành An, TX. An Khê	52	10		4887,0			1
191	92	Lê Hồng Xuân	Trần Thị Phương Vân	Hiệp Phú, xã Cư An	58	65	1324,2				1
192	93	Đường Hữu Hạnh	Huỳnh Thị Đào	xã Thành An, TX. An Khê	57	36	5843,3				2
193					58	28	6549,2				
194	94	Phan Thanh Tuấn	Đoàn Thị Nền	xã Thành An, TX. An Khê	52	14		4996,4			3
195					57	6		2033,6			
196					52	13		10751,7			
197	95	Phan Kim Hùng	Lê Thị Thanh Nghĩa	xã Thành An, TX. An Khê	57	3		8651,0			2
198					57	93		2953,2			

199	96	Quách Minh Thương	Lê Thị Mùi	xã Thành An, TX. An Khê	57	92			2326,8		1
200	97	Nguyễn Văn An	Hà Thị Phụng	xã Thành An, TX. An Khê	57	79			5937,8		2
201					57	78		1816,8			
202	98	Hộ	Nguyễn Thị Hoàng	xã Thành An, TX. An Khê	57	70		2116,6			3
203					57	68		4491,5			
204					57	96		4115,9			
205	99	Nguyễn Em	Ngô Thị Thanh Dung	xã Thành An, TX. An Khê	57	95			1558,9		1
206	100	Phạm Tấn Lực	Nguyễn Thị Đào	xã Thành An, TX. An Khê	57	62		7867,8			2
207					57	39		4545,2			
208	101	Nguyễn Văn Lực	Lê Thị Hồng Phương	P. An Bình, TX. An Khê	57	33		7151,4			2
209					57	32		1944,2			
210	102	Võ Thanh Thủy	Trần Thị Bé Năm	xã Thành An, TX. An Khê	58	5		4264,5			1
211	103	Võ Văn Đức	Võ Thị Nhân	Tân Bình, xã Tân An	57	71		13583,0			5
212					57	73	2378,5				
213					57	67	2348,8				
214					57	74, 75, 77		1560,7			
215					57	66		565,3			
216	104	Nguyễn Văn Thành	Lê Thị Nữ	P. An Bình, TX. An Khê	57	11		11836,2			5
217					57	19		1404,7			
218					57	18			1151,8		
219					57	23			2965,5		
220					57	94			1540,7		
221	105	Nguyễn Hữu Tiên	Võ Thị Thời	Hiệp Phú, xã Cư An	58	49		9319,1			5
222					58	46		1783,8			
223					58	66		732,3			
224					58	67		2551,6			
225					58	68, 72			531,3		
226					57	21	11301,9				
227					57	12			1614,9		

228	106	Nguyễn Văn Thám	Nguyễn Thị Diễm Thắm	Xã Thành An, TX. An Khê	57	9			667,8		6
229					57	22	4164,9				
230					57	34		1136,9			
231					57	27		2902,9			

Đak Pơ, ngày 28 tháng 12 năm 2018

Người lập


Lê Thị Như Hoa

Thủ trưởng đơn vị




Nguyễn Quốc Tuấn

